

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP; số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 05/2026/NQ-HĐND về phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức bố trí vốn thực

hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công của từng chương trình mục tiêu quốc gia; số 06/2026/NQ-HĐND về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 23/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 7474/STC-NSCX ngày 07/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 1.148.680 triệu đồng thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

1. Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 609.303 triệu đồng để thực hiện 13 công trình mở rộng mạng lưới cấp nước sạch tập trung.
2. Phân bổ vốn cho các xã: 539.377 triệu đồng.

(chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan Thường trực Chương trình
 - Đôn đốc các địa phương, đơn vị xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch theo đúng các nội dung quy định của Chương trình và mức vốn được giao trong kế hoạch giai đoạn 2026-2030 và hằng năm.
 - Hướng dẫn các địa phương, đơn vị được giao kế hoạch vốn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện, quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm tiến độ thực hiện và giải ngân.
 - Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tổ chức thực hiện tại địa phương, đơn vị; kịp thời đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn được giao, bảo đảm đúng kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có). Tăng cường kiểm tra, giám sát và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định hiện hành về quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các bước tiếp theo đối với danh mục các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước sạch tập trung, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành.

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh để thực hiện Chương trình bảo đảm theo quy định.

- Thực hiện báo cáo kết quả phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc, định kỳ tổng hợp tình hình giải ngân nguồn vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính. Kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, giải ngân kế hoạch đầu tư vốn được giao; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Tổ chức lập, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thực hiện Chương trình tại cấp xã theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và yêu cầu phát triển của địa phương, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, lựa chọn danh mục dự án và phân bổ kế hoạch vốn bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung của Chương trình, tập trung, hiệu quả, không dàn trải, manh mún.

- Chủ động cân đối, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách cấp xã; thực hiện lồng ghép với nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn; bảo đảm sử dụng nguồn lực hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng và nội dung hỗ trợ.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan trong việc quản lý, triển khai thực hiện nguồn vốn được phân bổ. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; báo cáo kết quả phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 chi tiết đến nội dung, dự án thành phần và danh mục dự án đầu tư công, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính trước ngày 10/11/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

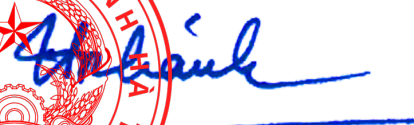
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XII và Thủ trưởng các cơ quan, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT và XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

PHỤ LỤC 01

Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 - Đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
	Tổng cộng			609.303	609.303
	Đầu tư mở rộng các công trình cấp nước tập trung (Nội dung số 10, thuộc Nội dung thành phần số 2)				
1	Mở rộng mạng lưới nhà máy nước Hương Khê cấp cho xã Hương Khê, Hương Bình và Hương Phố	Các xã: Hương Khê, Hương Bình, Hương Phố	- Mở rộng, lắp đặt thêm khoảng hơn 120 km đường ống HDPE các loại D200-D40 để phục vụ cấp nước cho khoảng 1.450 hộ dân.	44.975	44.975
2	Mở rộng mạng lưới Nhà máy nước Hương Khê cấp nước cho xã Hương Xuân và Hương Đô	Các xã: Hương Đô, Hương Xuân	- Mở rộng, lắp đặt thêm khoảng hơn 138 km đường ống HDPE các loại D200-D40 để phục vụ cấp nước cho khoảng 1.976 hộ dân.	44.460	44.460

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
3	Mở rộng mạng lưới Nhà máy nước Đá Hàn cấp cho các xã Hương Bình, Hà Linh	Các xã: Hương Bình, Hà Linh	- Khu vực nhà máy: + Trạm bơm nước thô: Lắp đặt thêm máy bơm đáp ứng công suất 5000 m³/ngđ; + Cụm xử lý lắng lọc: Xây dựng 01 cụm lắng lọc BTCT công suất 2500m³/ngđ + Bể chứa nước sạch: Xây dựng 01 bể chứa công suất 2500 m³/ngđ ,dung tích W=625 m³ + Sân Phơi bùn: Xây dựng 01 sân phơi bùn Kích thước :10.7x8.2(m) + Lắp đặt đường ống kỹ thuật - Hệ thống tuyến ống: + Tuyến ống phân phối: Tuyến ống phân phối kết nối với tuyến ống giai đoạn 1 Cấp xã Hà Linh, DN225 -DN160 + Tuyến ống dịch vụ: Xây dựng các tuyến dịch vụ DN40 - DN90; - Xây dựng Trạm bơm tăng áp	67.225	67.225

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
4	Mở rộng mạng lưới Nhà máy nước Ngàn Trươi cấp cho các xã Vũ Quang, Thượng Đức, Mai Hoa và Tứ Mỹ	Các xã: Vũ Quang, Thượng Đức, Mai Hoa, Tứ Mỹ	Nâng cấp công suất trạm bơm nước thô từ 6.000 m³/ng.đ lên 8.500m³/ng.đ, công suất nhà máy nước Ngàn Trươi từ 4.000 m³/ng.đ lên 6.500m³/ng.đ và xây dựng mạng lưới cấp nước cho các hộ dân còn lại của xã Thượng Đức, xã Mai Hoa và một phần xã Vũ Quang; nghiên cứu đầu tư nâng công suất nhà máy để bổ sung mạng lưới cấp nước cho phạm vi lân cận phát huy tối đa hiệu quả đầu tư. - Công trình nguồn: Bổ sung máy bơm công suất 2.500 m³/ng.đ; - Nhà máy: Nâng cấp công suất nhà máy từ 4.000 m³/ng.đ lên 6.500 m³/ng.đ; - Xây dựng mạng lưới tuyến ống truyền tải, phân phối, tuyến ống dịch vụ để phục vụ cấp nước cho khoảng 3.800 hộ dân. thuộc các xã Vũ Quang, xã Thượng Đức, xã Mai Hoa và xã Tứ Mỹ.	80.500	80.500

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
5	Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt các xã Thạch Khê, Đồng Tiến, Yên Hòa	Các xã: Thạch Khê, Đồng Tiến, Yên Hòa	Đầu tư mở rộng mạng lưới đầu nối từ mạng lưới cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp nước để cấp cho khoảng 10.450 hộ dân chưa có nước sạch đạt quy chuẩn trên địa bàn các xã Thạch Khê, Đồng Tiến, Yên Hòa	75.875	75.875
6	Mở rộng mạng lưới Nhà máy nước Thiên Lộc cấp cho xã Gia Hanh	Xã Gia Hanh	- Mở rộng, lắp đặt đường ống HDPE các loại D280-D50 để phục vụ cấp nước cho khoảng 650 hộ dân thuộc các thôn xã Vĩnh Lộc cũ.	17.675	17.675
7	Mở rộng mạng lưới Nhà máy nước Cu Lây cấp cho xã Lộc Hà, Mai Phụ, Tùng Lộc và Đông Kinh	Các xã: Lộc Hà, Mai Phụ, Tùng Lộc, Đông Kinh	- Mở rộng, lắp đặt thêm khoảng hơn 21 km đường ống HDPE các loại D110-D40 để phục vụ cấp nước cho khoảng 694 hộ dân.	8.965	8.965

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
8	Mở rộng mạng lưới nhà máy nước Khe Sung cấp cho các xã Kỳ Thượng và Kỳ Lạc	Các xã: Kỳ Lạc, Kỳ Thượng	Xây dựng mạng lưới đường ống truyền tải, ống phân phối và ống dịch vụ cấp đến trước nhà của các hộ dân có nhu cầu sử dụng nguồn nước sạch, với các loại ống HDPE kích thước từ có D160-D50 để phục vụ cấp nước cho khoảng 1.806 hộ dân. - Lắp đặt máy bơm tăng áp trên hệ thống để bơm cấp nước cho giai đoạn 2.	15.485	15.485
9	Mở rộng mạng lưới Nhà máy nước Khe Cò cấp cho các xã Sơn Tiến, Hương Sơn	Các xã: Sơn Tiến, Hương Sơn	- Nâng cấp công suất trạm bơm nước thô, nhà máy nước Khe Cò từ 2.000 m ³ /ng.đ lên 4.000m ³ /ng.đ và xây dựng mạng lưới cấp nước cho các hộ dân còn lại của xã Sơn Tiến và một phần xã Hương Sơn. - Nâng cấp công suất nhà máy từ 2.000 m ³ /ng.đ lên 4.000 m ³ /ng.đ - Xây dựng mạng lưới tuyến ống truyền tải, phân phối, dịch vụ để phục vụ cấp nước cho khoảng 3.300 hộ dân thuộc các thôn còn lại của xã Sơn Tiến và một phần xã Hương Sơn.	71.750	71.750

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
10	Mở rộng mạng lưới hệ thống cấp nước sinh hoạt Đức Đồng cấp cho các xã Đức Đồng và Đức Thọ	Các xã: Đức Đồng, Đức Thọ	Đầu nối từ đường ống đã xây dựng giai đoạn 1 cấp nước cho khoảng 1.586 hộ dân của xã Đức Đồng và một phần xã Đức Thọ, quy mô đầu tư dự kiến đầu tư xây dựng công trình Mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đức Đồng (giai đoạn 2) như sau: - Tuyến ống truyền tải sử dụng ống nhựa HDPE PE100 có đường kính gồm các loại: D280-D125 - Tuyến ống phân phối sử dụng ống nhựa HDPE PE100 có đường kính gồm các loại: D110-D75 - Tuyến ống dịch vụ sử dụng ống nhựa HDPE PE100 có đường kính gồm các loại: D63-D40	26.035	26.035

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
11	Mở rộng mạng lưới nhà máy nước Khu kinh tế Vũng Áng cấp cho các xã Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Kỳ Khang	Các xã: Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Kỳ Khang	- Nguồn nước: Lấy từ nhà máy nước Khu kinh tế Vũng Áng, các điểm đầu nối từ các tuyến ống cấp nước cấp 1 hiện có trên địa bàn xã Kỳ Hoa, xã Kỳ Văn, xã Kỳ Khang - Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước phân phối và đường ống dịch vụ (ống cấp 2, cấp 3) cấp đến trước nhà của các hộ dân có nhu cầu sử dụng nguồn nước sạch, gồm có: + Các tuyến ống phân phối, sử dụng ống HDPE, với ống có đường kính D160 - D110 + Các tuyến ống cấp dịch vụ, sử dụng ống HDPE, với ống có đường kính D63-D50	58.000	58.000

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
12	Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt vùng Trà Sơn cấp cho xã Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc	Lấy từ Nhà máy nước Trà Sơn, các điểm đầu nối từ các tuyến ống cấp nước cấp 1 hiện có trên địa bàn xã Xuân Lộc để phục vụ cấp nước cho khoảng 2.823 hộ dân..- Mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước: Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước; gồm có:+ Các tuyến ống truyền tải, phân phối sử dụng ống HDPE với ống có đường kính D200 - D90 + Các tuyến ống dịch vụ sử dụng ống HDPE với ống có đường kính D63-D50	29.943	29.943

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (không bao gồm CP lắp đặt đồng hồ)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
13	Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt Khe Xai cấp cho các xã Toàn Lưu, Việt Xuyên	Các xã: Toàn Lưu, Việt Xuyên	- Lấy từ Nhà máy nước Khe Xai, các điểm đầu nối từ các tuyến ống cấp nước cấp 1 hiện có trên địa bàn xã Toàn Lưu để phục vụ cấp nước cho khoảng 4.234 hộ dân. - Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước phân phối và đường ống dịch vụ (ống cấp 2, cấp 3) cấp đến trước nhà của các hộ dân có nhu cầu sử dụng nguồn nước sạch; gồm có: + Các tuyến ống truyền tải, phân phối sử dụng ống HDPE với ống có đường kính D280-D160 + Các tuyến ống phân phối, dịch vụ, sử dụng ống HDPE với ống có đường kính D110 -D50	68.415	68.415

Ghi chú: Quy mô và tổng mức đầu tư của dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định

PHỤ LỤC 02

Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 - Phân bổ vốn cho các xã

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	TỔNG SỐ	539.377	
A	Xã biên giới biển, biên giới đất liền (20 xã)	267.600	
1	Xã Thạch Lạc	13.380	
2	Xã Đồng Tiến	13.380	
3	Xã Thạch Khê	13.380	
4	Xã Kỳ Xuân	13.380	
5	Xã Kỳ Anh	13.380	
6	Xã Kỳ Khang	13.380	
7	Xã Thiên Cầm	13.380	
8	Xã Cẩm Trung	13.380	
9	Xã Yên Hoà	13.380	
10	Xã Lộc Hà	13.380	
11	Xã Tiên Điền	13.380	
12	Xã Cổ Đạm	13.380	
13	Xã Đan Hải	13.380	
14	Xã Sơn Hồng	13.380	
15	Xã Vũ Quang	13.380	
16	Xã Hương Khê	13.380	
17	Xã Hương Bình	13.380	
18	Xã Hương Xuân	13.380	
19	Xã Sơn Kim 1	13.380	
20	Xã Sơn Kim 2	13.380	
B	Xã KV II vùng đồng bào DTTS&MN (01 xã)	10.867	
21	Xã Sơn Tây	10.867	
C	Xã còn lại (39 xã)	260.910	

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
22	Xã Cẩm Xuyên	6.690	
23	Xã Thạch Hà	6.690	
24	Xã Can Lộc	6.690	
25	Xã Đồng Lộc	6.690	
26	Xã Nghi Xuân	6.690	
27	Xã Đức Thọ	6.690	
28	Xã Hương Sơn	6.690	
29	Xã Cẩm Bình	6.690	
30	Xã Kỳ Hoa	6.690	
31	Xã Kỳ Văn	6.690	
32	Xã Kỳ Lạc	6.690	
33	Xã Kỳ Thượng	6.690	
34	Xã Cẩm Duệ	6.690	
35	Xã Cẩm Hưng	6.690	
36	Xã Cẩm Lạc	6.690	
37	Xã Toàn Lưu	6.690	
38	Xã Việt Xuyên	6.690	
39	Xã Đông Kinh	6.690	
40	Xã Thạch Xuân	6.690	
41	Xã Hồng Lộc	6.690	
42	Xã Mai Phụ	6.690	
43	Xã Tùng Lộc	6.690	
44	Xã Gia Hạnh	6.690	
45	Xã Trường Lưu	6.690	
46	Xã Xuân Lộc	6.690	
47	Xã Đức Đồng	6.690	
48	Xã Đức Quang	6.690	
49	Xã Đức Thịnh	6.690	
50	Xã Đức Minh	6.690	
51	Xã Tứ Mỹ	6.690	
52	Xã Sơn Giang	6.690	
53	Xã Sơn Tiến	6.690	
54	Xã Kim Hoa	6.690	
55	Xã Mai Hoa	6.690	
56	Xã Thượng Đức	6.690	
57	Xã Hương Phố	6.690	
58	Xã Hương Đô	6.690	
59	Xã Hà Linh	6.690	

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
60	Xã Phúc Trạch	6.690	